TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 688/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 6 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phương Hồ;

2. Ông Huỳnh Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Không có.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 275/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 287/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tô Thanh T, sinh ngày 29/9/1996; căn cước công dân cấp ngày 07/8/2023 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi đăng ký thường trú: Khu phố Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Nơi ở hiện tại: Số E, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh ngày 04/9/1995; căn cước công dân cấp ngày 22/12/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nơi đăng ký thường trú: Số G đường B, Tổ H, Ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 27/02/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Tô Thanh T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn thì bà và ông T1 sống cùng nhà với mẹ chồng tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cùng nhau xây dựng gia đình. Tuy nhiên, không lâu sau thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất

đồng quan điểm, không còn tôn trọng ý kiến của nhau. Bà và ông T1 không còn sống chung nhà và đã ly thân từ cuối năm 2022 đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng và không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Bà Tô Thanh T xác định không có.

Về tài sản chung: Bà Tô Thanh T xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Tô Thanh T xác định không có.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông Nguyễn Văn T1 thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T1 đều vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là bà Tô Thanh T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1; về con chung: Bà T xác định không có; về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà T xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bà Tô Thanh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1; về con chung: Không có; tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là ông Nguyễn Văn T1 cư trú tại Số G đường B, Tổ H, Ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn là ông Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T1 theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Tô Thanh T và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 217 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ chí Minh cấp ngày 31/8/2022. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà Tô Thanh T, bà và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2022. Sau khi kết hôn thì ông bà sống cùng nhà với mẹ chồng tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cùng nhau xây dựng gia đình. Tuy nhiên, không lâu sau thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không còn tôn trọng ý kiến của nhau. Bà và ông T1 không còn sống chung nhà và đã ly thân từ cuối năm 2022 đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng và không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

Ông Nguyễn Văn T1 không đến Tòa án theo giấy triệu tập để cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho thấy ông T1 không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu, chứng cứ do bà T cung cấp để giải quyết vụ án. Xét tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông T1 là có cơ sở.

[4] Về con chung: Bà Tô Thanh T xác định không có.

[5] Về tài sản chung: Bà Tô Thanh T xác định không có.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Tô Thanh T xác định không có.

Ông Nguyễn Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, nếu ông T1 có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà Tô Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Tô Thanh T về việc cho ly hôn giữa bà Tô Thanh T và ông Nguyễn Văn T1.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 217 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/8/2022 cho bà Tô Thanh T và ông Nguyễn Văn T1 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà Tô Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0063856 ngày 12/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Như Ngọc